TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-3-2023
V/v: Tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đào

2. Bà Nguyễn Thị Thiểu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Son – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 503/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị G, sinh năm 1973.

- Bị đơn: Anh Trần Thế H, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.

(Chị G và anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc, nguyên đơn chị Võ Thị G trình bày:

Chị và anh Trần Thế H chung sống với nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CG vào

năm 2002, sau đó vợ chồng chị sống chung với gia đình chồng tại ấp CB, xã CG, huyện GD cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H cờ bạc, chị phải trả nợ thay nhiều lần, thời gian sau này anh Hiền có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên thường xuyên bỏ nhà đi. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 người là cháu Trần Nhựt T, sinh ngày 03-5-1995 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 21-4-2005 hiện hai con đang sống chung với chị. Cháu T đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên chị không yêu cầu giải quyết, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thế H: Tòa án có tiến hành triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ nhưng vẫn vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của chị G nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chị Giúp đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Hiền chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị G đối với anh Trần Thế H. Về con chung: Cháu Trần Nhựt T, sinh ngày 03-5-1995 hiện đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết; giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 21-4-2005 cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị G vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị G và anh H chung sống với nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CG, huyện GD vào năm 2002 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhân và bảo vệ. Nay chị G có yêu cầu ly hôn với anh H Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị G: Chị G cho rằng trong thời gian chung sống với anh H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H cờ bạc, chị phải trả nợ thay nhiều lần, thời gian sau này anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên thường xuyên bỏ nhà đi. Đối với anh H, nhiều lần Tòa án triệu tập để lấy lời khai, tìm hiểu mâu thuẫn để hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng anh H không đến, chứng tỏ không có thiện chí để đoàn tụ. Cho thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Nhựt T, sinh ngày 03-5-1995 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 21-4-2005, hiện cháu T đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Xét yêu cầu nuôi cháu Hân của chị G: Theo chị G, anh H thường xuyên bỏ nhà đi, cháu H do chị Giúp trực tiếp nuôi dưỡng, qua làm việc cháu H có nguyện vọng được sống với chị G, hơn nữa cháu Hân, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu H nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị G là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử sụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị G đối với anh Trần Thế H. Chị G được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là cháu Trần Nhựt T, sinh ngày 03-5-1995 hiện đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không giải quyết.

Giao chị G có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Gia H, sinh ngày 21-4-2005. Ghi nhận chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị G đã nộp theo biên lai thu số 0024694 ngày 07-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị G đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Quyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã CG (344/2002);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.